

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106 /BC-UBND

Lý Sơn, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung
trên địa bàn huyện Lý Sơn giai đoạn 2018-2022

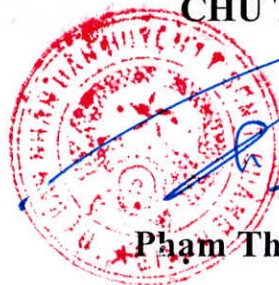
Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 718/STC-NS ngày 16/3/2023 về việc báo cáo nội dung theo đề cương giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022, UBND huyện Lý Sơn, báo cáo cụ thể theo phụ lục 01, 02 kèm theo.

Kính báo cáo Sở Tài chính theo dõi, tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- VPH: CVP, PCVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hương

PHỤ LỤC 01

TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT, THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH GIÁ NƯỚC SẠCH CỦA CÁC ĐƠN VỊ GIAO QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH,

GIẢI ĐOẠN 2018-2022

(Kèm theo Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 20/3/2023 của UBND huyện Lý Sơn)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Đơn vị quản lý, khai thác công trình	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị (triệu đồng)		Năm 2018-2022						Nước sạch sau xử lý đạt QCVN	
							Giá nước sạch (đồng/m ³)			Cấp bù số tiền chênh lệch giữa giá thành nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch (ĐVT: đồng)				
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ được duyệt/Quyết định phê duyệt	Chênh lệch giữa giá thành và giá tiêu thụ	Số tiền cấp bù	Nguồn			
											NS tỉnh	NS huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	
TỔNG CỘNG														
Năm 2018														
1	Nhà máy lọc nước biến thành nước ngọt An Bình	An Bình	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2012	20.828	11.108	55.739	8.287	47.452	248.590.826	248.590.826			
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2018	29.430	28.253			-	36.200.000		36.200.000		
Năm 2019														
1	Nhà máy lọc nước biến thành nước ngọt An Bình	An Bình	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2012	20.828	9.719	55.739	8.287	47.452	28.044.132	28.044.132			

STT	Tên công trình	Địa điểm	Đơn vị quản lý, khai thác công trình	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị (triệu đồng)		Năm 2018-2022					Nước sạch sau xử lý đạt QCVN	
					Giá nước sạch (đồng/m3)		Cấp bù số tiền chênh lệch giữa giá thành nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch (ĐVT: đồng)			Số tiền cấp bù	Nguồn		
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ được duyệt/Quyết định phê duyệt	Chênh lệch giữa giá thành và giá tiêu thụ		NS tỉnh		NS huyện
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2019	29.430	27.076			-	571.120.000		571.120.000	
Năm 2020									-	-			
1	Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình	An Bình	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2012	20.828	8.331	55.739	8.287	47.452	216.945.000	216.945.000		
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2019	29.430	25.898	16.371	5.800	10.571	418.633.000		418.633.000	
Năm 2021									-	-			
1	Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình	An Bình	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2012	20.828	6.942	55.739	8.287	47.452	327.600.000	318.600.000	9.000.000	
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2019	29.430	24.721	16.846	5.800	11.046	376.882.000		376.882.000	
Năm 2022									-	-			

STT	Tên công trình	Địa điểm	Đơn vị quản lý, khai thác công trình	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị (triệu đồng)		Năm 2018-2022					Nước sạch sau xử lý đạt QCVN	
					Giá nước sạch (đồng/m ³)			Cấp bù số tiền chênh lệch giữa giá thành nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch (ĐVT: đồng)		Số tiền cấp bù	Nguồn		
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ được duyệt/Quyết định phê duyệt	Chênh lệch giữa giá thành và giá tiêu thụ		NS tỉnh		NS huyện
1	Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình	An Bình	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2012	20.828	5.553	55.739	8.287	47.452	279.072.000	279.072.000		
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	2019	29.430	23.544	13.814	5.800	8.014	391.056.000		391.056.000	

PHỤ LỤC 02

TÌNH HÌNH DUY TU, BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
 GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

(Kèm theo Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện Lý Sơn)

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Cơ quan giao dự toán	Quyết định đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán (Số, ngày tháng năm/ Cơ quan ban hành)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kinh phí đã bố trí (triệu đồng)	Kinh phí còn thiếu (triệu đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG									
I	Năm 2018									
II	Năm 2019									
1	Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình	An Bình	UBND xã An Bình	UBND xã An Bình	số 385/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 và QĐ 1404/QĐ-UBND ngày 22/10/2019		2019	1.250,500	1.250,500	
III	Năm 2020									
IV	Năm 2021									
V	Năm 2022									
1	Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình	An Bình	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	QĐ số 2391/QĐ-UBND ngày 13/12/2022		2022	448,823	448,823	
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường	QĐ số 2572/QĐ-UBND ngày 30/12/2022		2022	91,900	91,900	